

Số: 37 /2010/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non,
phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về việc Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 về việc Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, kỳ họp thứ 25 - Khoá X về mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1597/TTr-GDĐT-KHTC ngày 15/11/2010 về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh: Quyết định này quy định về mức thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp học nghề thuộc tình quản lý từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

2. Đối tượng thu học phí: Là học sinh đang học tập tại các trường mầm non, phổ thông công lập; học bổ túc văn hóa và học nghề phổ thông tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp dạy nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đối tượng được miễn, giảm và hỗ trợ chi phí học tập: Áp dụng theo quy định tại Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Chương II, Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ.

4. Quy định về khu vực:

a) Khu vực thành thị bao gồm các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi.

b) Khu vực nông thôn bao gồm các xã thuộc thành phố Quảng Ngãi, thị trấn và các xã thuộc các huyện đồng bằng.

c) Khu vực miền núi - hải đảo bao gồm các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng, các xã, thị trấn thuộc các huyện miền núi và huyện Lý Sơn.

5. Mức thu học phí áp dụng cho năm học 2010 - 2011

a) Đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập

Đơn vị tính: đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Thành thị	Nông thôn	Miền núi
Mầm non	50.000	25.000	10.000
Trung học cơ sở (THCS)	40.000	20.000	10.000
Trung học phổ thông (THPT)	70.000	35.000	15.000

b) Đối với giáo dục mầm non thị trấn các huyện đồng bằng được áp dụng bằng 80% so với mức thu học phí của giáo dục mầm non ở thành thị.

c) Đối với những nơi các bậc cha mẹ có nhu cầu gửi con em học bậc tiểu học 02 buổi/ngày thì thỏa thuận với phụ huynh nhưng không được vượt quá khung như sau:

Đơn vị tính: đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Thành phố Quảng Ngãi và thị trấn các huyện đồng bằng	Nông thôn	Miền núi
Tiểu học	50.000	25.000	10.000

d) Đối với giáo dục thường xuyên:

- Trung học cơ sở (ngoài độ tuổi phổ cập THCS): 60.000đồng/tháng/học sinh;

- Trung học phổ thông : 80.000 đồng/tháng/học sinh.

e) Đối với học nghề phổ thông:

- Học phí nghề phổ thông cấp THCS: 20.000 đồng/tháng/học sinh; thời gian học 05 tháng với tổng số tiết là 70 tiết.

- Lệ phí thi tốt nghiệp nghề phổ thông THCS và THPT : 30.000 đồng/học sinh.

6. Mức thu học phí từ năm học 2011 - 2012 đến năm học 2014 - 2015

Từ năm học 2011 - 2012 trở đi, học phí sẽ được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo. Trên cơ sở Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh để trình Hội đồng Nhân dân tỉnh điều chỉnh cụ thể mức thu học phí hàng năm cho phù hợp.

7. Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập. Tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí.

a) Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo qui định tại Điều 7, Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo hướng dẫn áp dụng việc thực hiện cơ chế này từ ngày 01/01/2011.

b) Việc tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14 và 15 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc áp dụng mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh theo nội dung quy định tại Điều 1.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 2089/QĐ-CT ngày 26/8/2004 và Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Riêng đối với các trường mầm non và Trung học phổ thông bán công đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi sang công lập, tiếp tục thực hiện mức thu học phí theo Quyết định số 2089/QĐ-CT ngày 26/8/2004 và Quyết định số 108/QĐ UBND ngày 18/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Khi chuyển sang loại hình công lập thì thực hiện thu học phí theo qui định tại Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- VPUB: C, PVP; P.KTTH, CBTH, VHXX;
- Lưu: VT, VX(HQ304).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Hoàng Sơn